TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2025/DS-ST
Ngày: 29 – 9 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và bà Nguyễn Thị Bảo Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 400/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q1; Địa chỉ: Tầng A - B, Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy: quyền của Tổng giám đốc Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Giám Đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ theo Giấy ủy quyền số: 226369.24 ngày 23/10/2024 của TGĐ Ngân hàng TMCP Q1. Đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Văn P - Chức vụ: Giám đốc THN Trực tiếp và X theo Giấy ủy quyền số 232602.24 ngày 23/10/2024 của Giám Đốc Khối Mạng lưới Kinh doanh Ngân hàng B. Ông P ủy quyền cho ông Nguyễn Minh T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ vùng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1985, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện của Ngân hàng TMCP Q1 trình bày: Ngân hàng TMCP Q1 đã ký với ông Nguyễn Thanh T2 các hợp đồng tín dụng gồm Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 1879320.22 ngày 22/03/2022 với nội dung: V1 cho Ông Nguyễn Thanh T2 vay số tiền 950,000,000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán tạp hóa; Thời hạn vay: 11 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20/01/2024. Lãi suất vay: Tại thời điểm giải ngân: 12%/năm; Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,2%/năm và ngày trả nợ vay được quy định chi tiết trong Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9061800(2).22 ký ngày 13/09/2023. Ngày 20/02/2023, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T2 với số tiền 950,000,000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 1879320(2).22 theo đúng yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T2 và phù hợp với quy định tại HĐTD.

• Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/03/2021, VIB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T2 01 Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1, hạn mức thẻ: 44.000.000 đồng, lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 287, tờ bản đồ số: 16, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H (nay là Khu phố L, phường L), tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất là Nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 548207, số vào sổ cấp GCN: CH01535 do UBND huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/10/2012, đứng tên ông Nguyễn Thanh T2". Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4150, Quyển số: 06. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh công chứng ngày 05/07/2018 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V1. Việc thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

***Quá trình thực hiện hợp đồng*:** Ngân VIB đã giải ngân cho ông T2, nhưng tính đến ngày 29/09/2025, Ông Nguyễn Thanh T2 trả được 0 đồng tiền gốc và tiền lãi là 24.717.534 đồng và còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền là: 1.354.299.929 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng). Cụ thể: Nợ gốc quá hạn: 947.379.346 đồng; Nợ lãi quá hạn: 315.004.496 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.489.041 đồng. Nợ gốc Thẻ tín dụng:

22.839.129 đồng; Nợ lãi Thẻ tín dụng: 14.663.856 đồng; Nợ phí Thẻ tín dụng: 43.924.061 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết những nội dung sau: Buộc Ông Nguyễn Thanh T2 phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2025 là: 1.354.299.929 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc quá hạn: 947.379.346 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 315.004.496 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 10.489.041 đồng;
- Nợ gốc Thẻ tín dụng: 22.839.129 đồng;
- Nợ lãi Thẻ tín dụng: 14.663.856 đồng;
- Nợ phí Thẻ tín dụng: 43.924.061 đồng.

Ông T2 tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/09/2025 cho đến khi ông Nguyễn Thanh T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Ông Nguyễn Thanh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là:

Trường hợp Ông Nguyễn Thanh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 287, tờ bản đồ số: 16, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H (nay là Khu phố L, phường L), tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất là Nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 548207, số vào sổ cấp GCN: CH01535 do UBND huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/10/2012, đứng tên ông Nguyễn Thanh T2". Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4150, Quyển số: 06. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh công chứng ngày 05/07/2018.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thê chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho Ngân hàng V1.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 suốt quá trình tố tụng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V1), buộc ông T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng (V1) số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 1.354.299.929 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng). Nợ gốc quá hạn: 947.379.346 đồng; Nợ lãi quá hạn: 315.004.496 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.489.041 đồng. Nợ gốc Thẻ tín dụng: 22.839.129 đồng; Nợ lãi Thẻ tín dụng: 14.663.856 đồng; Nợ phí Thẻ tín dụng: 43.924.061 đồng., tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo 30/9/2025 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Trường hợp ông T2 không thanh toán nợ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp.

Ông T2 phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

[2.1] Ngân hàng TMCP Q1 đã ký với ông Nguyễn Thanh T2 theo Hợp đồng tín dụng số 1879320.22 ngày 22/03/2022 , ông T2 vay số tiền 950.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán tạp hóa, tại hợp đồng hai bên ký kết có điều khoản về thời hạn vay, lãi suất ..v..v, sau đó ông ký khế ước nhận nợ số 9061800(2).22 ngày 13/09/2023. Ngày 20/02/2023, V1 đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh T2 với số tiền trên cho ông, đồng thoid ông T2 Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/03/2021, VIB cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thanh T2 01 Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1, hạn mức thẻ: 44.000.000 đồng, lãi suất, phí: Theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T2 đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, đến thời điểm ngày 12/5/2025 ông T2 chỉ mới thanh toán được 0 đồng tiền gốc và tiền lãi là 24.717.534 đồng trong khi nợ đã chuyển sang quá hạn từ 20/01/2024.

Do đó Ngân hàng V1 yêu cầu ông T2 thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến

ngày 29/9/2025 là: 1.354.299.929 đồng có cơ sở.

[2.2] Về tài sản đảm bảo: Tại biên bản thẩm định thể hiện tài sản đảm bảo không thay đổi so với thời điểm Ngân hàng thẩm định cho vay. Hợp đồng thế chấp được công chứng chứng chứng thực đúng quy định, đăng ký thế chấp đúng quy định pháp luật. Do đó, trường hợp ông T2 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Nếu ông T2 thanh toán xong các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 4150, Quyển số: 06. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh công chứng ngày 05/07/2018 cho ông Nguyễn Thanh T2. Nếu xử lý tài sản thê chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho Ngân hàng V1.

[3] Ông T2 được Tòa niêm yết tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia, vắng mặt không có lý do, không đưa ra bất cứ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để thể hiện quan điểm của mình. Vì vậy ông phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 -Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2 phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Că1n cứ vào khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 292, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (tên viết tắt là V1) đối với ông Nguyễn Thanh T2 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Thanh T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (V1) số tiền tính đến ngày 29/9/2025 nợ tổng cộng là: 1.354.299.929 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu hai trăm chín mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng), Trong đó: Nợ gốc quá hạn: 947.379.346 đồng; Nợ lãi quá hạn: 315.004.496 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.489.041 đồng. Nợ gốc Thẻ tín dụng: 22.839.129 đồng; Nợ lãi Thẻ tín dụng: 14.663.856 đồng; Nợ phí Thẻ tín dụng:

43.924.061 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng; hợp đồng thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, giấy ký nhận thẻ (nếu có) các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng (V1) được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 287, tờ bản đồ số: 16, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H (nay là Khu phố L, phường L), tỉnh Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất là Nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 548207, số vào sổ cấp GCN: CH01535 do UBND huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 18/10/2012, đứng tên ông Nguyễn Thanh T2". Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4150, Quyển số: 06. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh công chứng ngày 05/07/2018.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh T2 thanh toán xong các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 4150, Quyển số: 06. TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh công chứng ngày 05/07/2018 cho ông Nguyễn Thanh T2.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì ông Nguyễn Thanh T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho Ngân hàng V1.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T2 chịu 300.000 đồng chi phí thẩm định. Ngân hàng đã tạm ứng, ông T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V1 300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng Người phải thi hành án còn

phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh T2 phải chịu án phí số tiền 52.628.998 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí do ông lê Anh Q đã nộp thay 25.030.000 theo biên lai thu số 0000223 ngày 02-6-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Tây Ninh).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- CCTHADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Thanh